

Số 122/ND-THCS.QN

Quảng Nghĩa, ngày 01 tháng 10 năm 2024

**CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC
HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN NĂM HỌC 2024-2025**

Căn cứ Công văn số 09/TT-BDDT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học

Căn cứ kế hoạch số 120/KH-THCS.QN ngày 29/09/2024 của Hiệu trưởng trường THCS Quảng Nghĩa về việc thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDDT ngày 03/6/2024,

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-THCS.QN ngày 01/10/2024 của Hiệu trưởng trường THCS Quảng Nghĩa về việc thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDDT ngày 03/6/2024,

Trường THCS Quảng Nghĩa **công khai** trong trường học đầu năm học 2024 - 2025 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. **Tên cơ sở giáo dục:** Trường THCS Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.
2. **Địa chỉ trụ sở chính** và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Thôn 3, xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Thư điện tử: **thcsquangnghia@pgdmongcai.edu.vn**

Trang web: **thcsquangnghia.edu.vn**

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

3.1 Sứ mạng: Tạo dựng ngôi trường giáo dục an toàn – thân thiện – năng động và sáng tạo

3.2 Tầm nhìn:

- Khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của phụ huynh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể CB- GV- NV và học sinh.

- Đạt trường Chuẩn quốc gia mức độ 2

3.3 Mục tiêu:

Công tác duy trì và phát triển sĩ số: Tổng số lớp: 08; Tổng số học sinh: 287. Phần đầu duy

trì sĩ số đạt 100%

- Về rèn luyện

Lớp	Chỉ tiêu phấn đấu năm học 2024 - 2025							
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6A	30	81,08	7	18,92	0	0,00		
6B	29	78,38	6	16,22	2	5,41		
7A	26	74,29	7	20,00	2	5,71		
7B	30	83,33	6	16,67	0	0,00		
8A	31	81,58	7	18,42	0	0,00		
8B	21	60,00	10	28,57	4	11,43		
9A	28	80,00	7	20,00	0	0,00		
9B	22	64,71	12	35,29	0	0,00		
Cộng	217	75,61	62	21,60	8	2,79		

- Về học tập

Lớp	Chỉ tiêu phấn đấu năm học 2024 - 2025									
	Xuất sắc		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6A			2	5,41	23	62,16	12	32,43	0	0,00
6B			0	0,00	3	8,11	29	78,38	5	13,51
7A			0	0,00	3	8,57	30	85,71	2	5,71
7B			2	5,56	22	61,11	12	33,33	0	0,00
8A			3	10,53	13	34,21	21	55,26	0	0,00
8B			1	2,86	3	8,57	28	80,00	3	8,57
9A			8	22,86	18	51,43	9	25,71	0	0,00
9B			0	0,00	8	23,53	26	76,47	0	0,00
Cộng			16	5,57	94	32,75	167	58,19	10	3,48

- Hiệu quả đào tạo năm học (lên lớp và đỗ tốt nghiệp): $277/287 = 96,5\%$ lên thẳng lớp; $10/287 = 3,35\%$ lên lớp sau khi thi lại.

- Hiệu quả đào tạo khoá học 2021-2025: $69/69 = 100\%$

- Chất lượng điểm thi tuyển lớp 10 THPT năm 2025

- Điểm trung bình: 4,2 (trong đó Toán 4,02; Ngữ văn 4,55; Ngoại ngữ 4,01)

Danh hiệu thi đua

- Danh hiệu học sinh Xuất sắc: 0
- Danh hiệu học sinh Giỏi: 16/287 em = 5,57%

Học sinh đạt giải trong kì thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá, TDTT,...

- + Cấp thành phố lớp 9 đạt: 06 giải; Cấp thành phố lớp 8 đạt: 06 giải;
- + Cấp tỉnh đạt: 03 giải
- + Thi KHKT cấp thành phố: 01 giải.
- + Thẻ dự thể thao, các hội thi khác: 02 huy chương vàng; Bóng đá: qua vòng bảng.

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trước năm 2005 trường có tên là **trường phổ thông cơ sở Quảng Nghĩa**, từ năm 2005 đến nay trường có tên là **trường trung học cơ sở Quảng Nghĩa** (theo Quyết định số 1330/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 2005 Chủ tịch UBND thị xã Móng Cái).

Nhà trường liên tục được tặng giấy khen Tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2023 – 2024 trường được tặng danh hiệu Cờ thi đua khối THCS.

5. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nói làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Nguyễn Viết Hoàng

Số điện thoại: 0936966292; Thư điện tử: hoanggiaovien@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số 1330/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Chủ tịch Thị xã, Móng Cái Quảng Ninh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số: 14796/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của UBND thành phố Móng Cái về việc thành lập đồng trường Trung học cơ sở Quảng Nghĩa nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định 1514/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 về việc kiện toàn hội đồng trường THCS Quảng Nghĩa, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng có sở giáo dục;

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 4268/QĐ-UBND ngày 15/06/2021

Quyết định Phó Hiệu trưởng số 4805/QĐ-UBND ngày 30/08/2023

Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở,

trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Hiệu trưởng: Nguyễn Viết Hoàng

Số điện thoại: 0936966292

Thư điện tử: Hoanggiaovien@gmail.com

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi %	Số tiền
1	Ngân sách 2024 và học phí	Chi lương, các khoản đóng theo lương.	100%	2.349.000.000
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục	95%	875.000.000

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

STT	KHOẢN THU	KHỐI 6	KHỐI 7	KHỐI 8	KHỐI 9
1	Các thu theo Công văn				
1.1	Năm học 2024 – 2025 theo nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 học sinh được miễn học phí				

1.2	Tiền BHYT (Thời hạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025) Công văn số: 347/BHXXH ngày 04/09/2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố Móng Cái V/v triển khai. công tác thu BHYT học sinh năm học 2024-2025	884.520đ/hs BH nông lâm...: 252.720đ/hs	884.520đ/hs BH nông lâm...: 252.720đ/hs	884.520đ/hs BH nông lâm...: 252.720đ/hs	884.520đ/hs BH nông lâm...: 252.720đ/hs
-----	---	--	--	--	--

2	Các khoản thu dịch vụ: Căn cứ theo công văn số 3308/SGDĐT-KHTC ngày 18/10/2024 vv triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;				
2.1	Tiền xe: Thu 9 tháng				
	Xe đạp: 20 000 đồng/HS/tháng (nếu đăng ký)				
	Xe điện: 30 000 đồng/HS/tháng (nếu đăng ký)				
3	Các khoản thu hộ Căn cứ theo công văn số 3308/SGDĐT-KHTC ngày 18/10/2024 vv triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025				
3.1	Tiền nước uống thu 9 tháng (10,000đ/HS/tháng)	90 000/HS	90 000/HS	90 000/HS	90 000/HS
3.2	Tiền vở (nếu đăng ký)				
3.3	Tiền đồng phục: 1 áo ngắn tay (nếu đăng ký)				
	Tiền đồng phục: 1 áo dài tay (nếu đăng ký)				
	Tiền đồng phục: Bộ thể thao (nếu đăng ký)				
	Tiền đồng phục: Áo mùa đông (nếu đăng ký)				
4	Các khoản thu theo thỏa thuận				
4.1	Quỹ Bại đại diện cha mẹ học sinh lớp (Trên tinh thần đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh: quỹ lớp)	Vận động	Vận động	Vận động	Vận động
4.2	Quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh trường (Trích 30% từ quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp)	Vận động	Vận động	Vận động	Vận động

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: miễn học phí theo theo 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 học sinh được miễn học phí.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

Mục 3. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Cán bộ quản lý: 02; Giáo viên: 11; Nhân viên: 02.

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Giáo viên

TT	Môn	Giáo viên		Đăng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CD	Khác
1	Toán học	3	2	4	4	0	0	4	0	0
2	Ngữ văn	3	2	3	3	0	0	3	0	0
3	Tiếng Anh	1	1	1	1	0	0	1	0	0
4	Tiếng Trung	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	KHTN	2	3	3	3	0	0	3	0	0
6	Lịch sử - Địa lý	1	1	1	1	0	1	0	0	0
7	GDCD	1	1	1	1	0	0	1	0	0
8	Công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Thể dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Âm nhạc	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	HĐTN – HN	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG		11	9	14	14		01	13		0

- Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Môn	Số lượng		Đăng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CD	Khác
1	Hiệu trưởng	1		1	1			1		
2	Phó Hiệu trưởng	1	1	1	1			1		

3	Kế toán	1	1			1		1		
4	Văn thư	0								
5	Thủ quỹ	0								
6	Thư viện	1			1				1	
7	TB-PTH	0								
8	Y tế	0								
9	Bảo vệ	1				1				
10	Lao công	1	1			1				
		6	3		3	3		3	1	2

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Cán bộ quản lý 02, đạt chuẩn 100%;
- Giáo viên 11, đạt chuẩn 11/11 (100%); Trên chuẩn 01/11 (9,1%).

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý 02, đạt bồi dưỡng 100%;
- Giáo viên 11, đạt bồi dưỡng 100%.

2. Thông tin về có sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường 8.258,2m²,

Điểm trường 01;

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 31,7m²; Đạt yêu cầu

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	08	
2	Phòng vi tính	0	
3	Phòng đồ dùng	1	
4	Phòng thư viện	1	
5	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	1	
6	Phòng học bộ môn KHTN1	0	
7	Phòng học bộ môn KHTN2	0	
8	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	
9	Phòng học bộ môn Âm nhạc	0	
10	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	

11	Phòng Ban giám hiệu	2	
12	Phòng Hội trường	1	
13	Phòng Y tế	1	
14	Phòng Đoàn đội	1	
15	Phòng bộ môn KHXH	0	
16	Phòng y tế học đường	0	
17	Phòng Công đoàn	1	
18	Phòng Bảo vệ	1	
19	Nhà đa năng	0	
20	Sân thể thao	1	
21	Tổng diện tích đất	8258,2m ²	
22	Nhà xe giáo viên và học sinh	2	
23	Số máy vi tính	03	
24	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	03	
25	Ti vi dùng cho học tập và quản lý	02	
26	Camera	10	
27	Thiết bị dạy và học cho K6,7,8,9/ khối	0	
28	Sách giá khoa 6,7,8,9/khối	4	
29	Sách tham khảo	Đủ dùng	
30	Internet	VNPT	

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Phòng vi tính: 0 chiếc;

Ti vi (máy chiếu) có kết nối Internet: 02 chiếc

Đảm bảo đủ điều kiện học tập

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong có sở giáo dục đã được có quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được có sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối 6,7,8,9 thực hiện Chương trình Phổ thông 2018

Sách Cánh diều: GD CD, Lịch sử - Địa lý, Công nghệ, Nghệ thuật, GDTC, Toán, KHTN, Văn, Tin

Sách nhà xuất bản GD: Ngoại ngữ

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x			
Tiêu chí 1.2		x	x		
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x		
Tiêu chí 1.7		x	x		
Tiêu chí 1.8		x	x		
Tiêu chí 1.9		x	x		
Tiêu chí 1.10		x	x		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x		
Tiêu chí 2.2		x	x		
Tiêu chí 2.3		x	x		
Tiêu chí 2.4		x	x	x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		x	x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x		
Tiêu chí 3.4		x	x		
Tiêu chí 3.5		x	x		
Tiêu chí 3.6		x	x		
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x		
Tiêu chí 5.4		x	x		
Tiêu chí 5.5		x	x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x		

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết luận: Trường đạt chất lượng kiểm định giáo dục: Mức 2

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ: 1

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian (2013-2018; 2019-2024); kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; (không thực hiện)

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; (không thực hiện)

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Anh

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 88 học sinh (02 lớp: trong đó 02 lớp học ngoại ngữ tiếng anh)

2. Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn xin học (theo mẫu do các Hội đồng tuyển sinh quy định);
- 02 ảnh 3x4 (01 ảnh dán vào đơn, 01 ảnh dán vào học bạ);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Học bạ cấp tiểu học.

3. Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Xét tuyển, nộp hồ sơ trực tuyến.
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục số 118/KH-THCS.QN ngày 28/9/2024 của trường THCS Quảng Nghĩa, đăng tải trên website: thcsquangnghia.edu.vn

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:

1. Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh).

2. Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

3. Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

4. Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
1	Chào cờ hàng tuần	Đầu tuần	Tổng phụ trách - Hiệu trưởng - GVCN lớp
2	Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam	Tháng 11	BCH Công đoàn
3	Giải thể thao học sinh	Tháng 11.12; 02, 03/2025	Phạm Bá Tuấn
4	Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3	Tháng 3	BCH Công đoàn
5	Kỷ niệm ngày thành lập đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh 26/3	Tháng 3	BT Đoàn thanh niên
6	Giới tính học đường	Tháng 3	Trần Thị Thu Thảo
7	Chuyên đề mà túy học học đường, phòng cháy, An toàn giao	Tháng 10.11	BGH
8	Trải nghiệm, hướng nghiệp		BGH GVCN
9	Kỷ niệm ngày 30/4, 1/5		BGH Trần Thị Thu Thảo

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có). (không)

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp (2023-2024)	Số lớp, số học sinh			Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS khuyết tật	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi	Số HS dân tộc thiểu số
	Số lớp	Số học sinh						
		Tổng số	Nữ					
6	2	72	35	0			02	09
7	2	74	34	0	01	01	01	09
8	2	70	38	0			01	12
9	2	51	31	0				09
Tổng	08	267	138	0	01		03	39

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Kết quả xếp loại rèn luyện và học tập năm học 2023 – 2024

	Tốt (Giỏi)		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 6, 7, 8										
Rèn luyện	153	70,8	54	25,0	8	3,7				
Học tập	23	10,7	68	31,6	118	54,9	06	2,8		
Khối 9										
Hạnh kiểm	43	84,31	8	15,59						
Học lực	5	9,8	20	39,22	26	50,98				

Học sinh lên lớp 267/267 HS đạt 100%, (Trong đó 51 học sinh tốt nghiệp THCS; 06 học sinh lên lớp sau thi lại).

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Học sinh tốt nghiệp lớp 9 đạt 51/51/ tỉ lệ 100%.

Học sinh dự thi THPT: 40/51 (87,5%)

Học sinh trúng tuyển THPT năm học 2024 - 2025 là 49/51 (96,1%)

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài). (không thực hiện).

Trường THCS Quảng Nghĩa **công khai** trong trường học, đầu năm học 2024 - 2025.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT TP (Báo cáo);
- UBND xã (báo cáo);
- BGH, Tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường (thực hiện);
- Công khai Web trường;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Viết Hoàng